

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG B&T VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG B&T VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM B&T CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108331864

**3. Ngày thành lập:** 19/06/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Víp, Xã Minh Quang, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911.410.999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100(Chính) |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4210        |
| 3.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4290        |
| 4.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663        |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4752        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4390        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình;<br>- Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông.                                                                                                  | 7110 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); | 4659 |
| 14. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4220 |
| 15. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4312 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329 |
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 18. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                           | 6619 |
| 19. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662 |

**6. Vốn điều lệ:** 19.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐINH MẠNH TUẤN | Thôn Víp, Xã Minh Quang, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 994.500    | 9.945.000.000         | 51,000    | 001079009173                                                                                |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 994.500    | 9.945.000.000         | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | MAI ĐÌNH BẮC   | Thôn Ước Ngoại, Xã Quảng Phong, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 877.500    | 8.775.000.000         | 45,000    | 172154265                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 877.500    | 8.775.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ THỊ NGỌC    | Thôn 4, Xã Quảng Khê, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 78.000     | 780.000.000           | 4,000     | 172868019                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 78.000     | 780.000.000           | 4,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH MẠNH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/04/1979

Dân tộc: Mường

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079009173

Ngày cấp: 07/12/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Víp, Xã Minh Quang, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Víp, Xã Minh Quang, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội